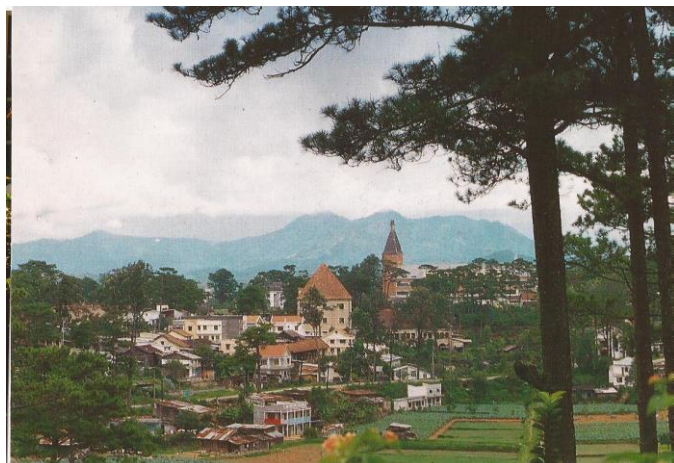


NHỚ VỀ ĐÀ LẠT XƯA



(*Đà Lạt, năm 1960, nhìn từ đường Trần Hưng Đạo về phía Nha Địa Dư, Lycée Yersin và Ấp Hồng Lạc, Ga Xe Lửa.)

Trần Ngọc Toàn

Vào cuối thập niên 1930, khi vua Bảo Đại lập cao nguyên Đà - Lạt, từ thuộc địa của Pháp, thành Hoàng Triều Cương Thổ, ông Nội của tôi, thường được gọi là ông Hai Cam, rời Thành Nội, Huế, vào Đà Lạt định cư, với 7 người con mồ côi mẹ. Trước kia, ông Cố của tôi, vốn từ Bắc Ninh, Nam Định vào làm quan cho Nhà Nguyễn, khi còn đóng đô ở Quảng Điền, Thừa Thiên. Ông Nội tôi được cấp gần 10 mẫu đất, nằm ở Ấp Số Bốn, cách trung tâm Đà Lạt 4 cây số về phía Bắc, dọc theo con đường còn trải đá mang tên Hai Bà Trưng, nhìn về phía Đông là đồi Mã Thánh. Dãy Núi Bà Liang Biang, cao hơn 1.500 mét so với mặt biển, nằm chế ngự về phía Bắc, với mây mù lảng đảng quanh năm. Phía Đông nhìn phía thác Cam Ly với núi rừng trùng điệp và phi trường Cam Ly, do Quân Nhật thiết lập vào thời 1945, rất ít được sử dụng do thời tiết mây mù và núi non hiểm trở bao quanh. Về phía Nam là ngôi chùa Linh Quang với ngọn Tháp tròn tàng trữ di cốt các nhà Sư quá cố. Nhà Thờ Đức Bà Domaine de Marie nằm lừng lừng trên thềm ngọn núi nổi bật với màu sơn gạch nâu đỏ. Ông Nội

tôi lập một chuồng nuôi và tập giống ngựa bách thảo cao lớn. Ngoài căn nhà chính mái ngói, với lĩnh kính trang bị, máy móc, ông cất thêm hai căn nhà gỗ với mái tôn. Một căn ông cho người chạy xe ngựa mượn. Cha tôi sau khi lập gia đình được ở căn nhà giữa. Tôi được sinh ra ở Nhà Thương Đà Lạt do các Bà Mẹ và Ma Soeur chăm sóc. Vào năm 1948, tại thành phố Đà Lạt, chỉ có một ngôi trường Tiểu Học dạy tiếng Việt duy nhất, mang trên École Primaire de Dalat. Sau này, tôi phải thi lấy bằng Tiểu học rồi mới thi tranh đua vào trường Trung học Việt đầu tiên tên Phương Mai. Trong khi ấy, có nhiều trường dạy tiếng Pháp, như Petit và Grand Lyceé Yersin, Couvent des Oiseaux, Domain de Marie, trường Adran sau là Taberd... Ở Ấp Số Bốn, có trường Sơ Cấp, từ lớp 5 đến lớp 3 vào thời ấy. Tôi và anh tôi vào học trường Sơ Cấp Đa Nghĩa trong khi hai đứa em trai của tôi còn nhỏ ở nhà với Mẹ. Cùng lớp ở Đa Nghĩa với tôi có Vĩnh Toàn là em của Vĩnh Nhi, sau này là Sĩ quan Thủ Khoa Khóa 17 Võ Bị, đã tử trận khi về Sư Đoàn 7 Bộ binh. Ba tôi có xe chở hàng nặng đi về Sài Gòn và Đà Lạt. Vốn đầu óc chậm phát triển nên tôi bị Thầy Năm mù một mắt tặng khá nhiều ngọn đòn roi mây. Thầy ngồi trên bàn đặt trên bục cao với cây roi mây dài hơn 2 thước, đánh nhịp nghe vun vút. Tôi lại ít nói vì theo Mẹ tôi kể, tôi bị tật nói ngọng, qua chuyện về thăm quê Ngoại ở vườn Dừa, bên sông Cái, Nha Trang, tôi năn nỉ cậu Ba tôi bằng câu “Ậu A bẻ ừa con ăn” (Cậu Ba bẻ Dừa con ăn). Nên càng bị thêm roi vì Thầy tưởng tôi lì đòn. Sau khi ông Nội tôi ghé nhà trường gặp Thầy Năm tôi không bị đòn nữa, do Mẹ tôi chỉ cho ông Nội tôi mấy vết roi in hằn trên mông của tôi. Anh em tôi cũng hình mũi nhờ ông cho đến trường bằng xe ngựa chạy lóc cóc. Ngoài giờ học, chúng tôi chạy cút bắt trong đám cây hoa Dã Quỳ mọc um tùm ngay sau lưng nhà. Cây hoa cao hơn vóc người lớn và những cánh hoa vàng nở rộ trên nền cánh lá xanh óng ánh lông trắng, đẹp như tranh vẽ. Có khi, tôi giúp dắt con ngựa đua đi ăn cỏ trên lưng

núi. Lưng ngựa cao quá tôi không sao nhảy chồm lên được, phải dắt xuống bờ dốc cắt bên lề đường, rồi đứng trên cao nhảy xuống. Cũng may đã gặp ngựa thuần nên không bị hất té xuống đất. Lúc bị ông Nội tôi bắt gặp nhưng ông không la rầy, còn chỉ dạy tôi cách cưỡi ngựa, cầm cương. Nên, sau này khi vào trường Võ Bị Đà Lạt, vào lớp dạy Kỵ Mã tôi đã biết cưỡi ngựa rồi. Từ Ấp Số Bốn, tôi cũng lân la theo đám bạn học nhỏ 8, 9 tuổi đi bộ thả rong lên Ấp Số Sáu, tuốt lên Tùng lâm, Đăn Kia, An kroet về hướng Núi Bà, đi bắt Dế về đá. Nhiều con Dế lửa rất hung hăng đá rách cả da tay. Tôi lại may mắn được bà cô dẫn cho nhập Đoàn Sói Con của Hướng Đạo Việt Nam. Mỗi sáng Chủ Nhật, tôi lần mò đi họp Đoàn trên đỉnh một ngọn núi xoải thấp, phía Tây Ấp Số 4, giáp lưng Nhà Thờ Domaine de Marie. Nhìn xuống phía dưới chân núi là ngôi mộ của một Thi sĩ người Pháp, Jean O' neil, với dòng suối nhỏ chảy quanh trông rất nên thơ. Chúng tôi ca hát vang lừng trên đồi núi cỏ trọc xanh mướt. Nhờ vào Sói Con, tôi đã được phép cho theo đoàn Hướng Đạo Lâm Viên, năm 1948, đi xe tải xuống Đơn Dương (D'ran) cắm Trại và diễn văn nghệ cho dân chúng địa phương, với nhiều người sắc tộc Kơ Ho, rất vui thú bên ngọn lửa trại bập bùng trong đêm. Hàng năm, Dòng tu Domaine de Marie luôn tổ chức Hội chợ với nhiều gian hàng trò chơi, như ném vòng cổ chai cổ vịt đang chạy, ném banh... và buôn bán. Không bỏ dịp, tôi theo đám bạn nhỏ lân la suốt ngày để chiều về bị mẹ trách móc, nỉ non. Gần lưng dốc về phía con đường từ trên đường Thi sách cắt qua đường Phan Đình Phùng, dưới chân Mã Thánh có một ngôi nhà chuyên Lên Đòng với tiếng trống chuông tùng xòe rộn rã. Đám con nít chúng tôi rủ nhau bu quanh ngoài hàng hiên chờ Bà Đòng phát bánh kẹo. Có khi rủ nhau chạy nhảy đùa giỡn theo con suối nhỏ, với những vườn rau cải, chảy dọc theo khe núi Mã Thánh và đường Hai Bà Trưng. Mẹ tôi chắc suốt ngày phải bận rộn với bốn đứa con trai phá phách. Nhưng tôi cứ nhớ mãi cảnh bà dắt

tôi lên xe ngựa đi khám bệnh với Bác sĩ Phán có phòng mạch trên khúc giữa đường Phan Đình Phùng. Lúc nào đến cũng thấy đông nghẹt người Thượng “Cà răng cặng tai” đóng khố mang gùi với xà -gạt. Tôi vùng vẫy, dầy dựa khi sắp bị chích thuốc nên ông Bác sĩ phải nhờ hai người đè trấn tôi xuống. Mỗi khi biết có phim Cao Bồi hoặc chiến tranh, mẹ tôi cho anh tôi năm đồng, dắt theo ba đứa em leo xe ngựa xem phim ở rạp Eden, sau này được đổi chủ và mang tên Ngọc Lan, cùng lúc với rạp Ngọc Hiệp dưới dốc Minh Mạng và Phan đình Phùng. Mỗi lần chàng Cao Bồi phi ngựa nả súng đuổi kẻ ác là bọn con nít chúng tôi vỗ tay la hét vang cả rạp. Khi sắm sửa quần áo mẹ tôi đều cho bốn anh em tôi mặc giống nhau như đồng phục với quần sọt áo vét hàng hoàng. Chân mang giày Bata trắng. Tôi cũng có cái duyên gặp được một anh lớn tuổi hàng xóm thường ôm cây đàn Guitar dạo nhạc. Anh Xinh đã dạy cho tôi nhận biết các nốt nhạc cùng với nhịp điệu và tôi biết nghe ngao hát những bản hùng ca yêu nước tiền tuyến, như bản thúc quân ca, lên đường, trầu cau, khỏe vì nước... Khi còn học sơ cấp Đa Nghĩa tôi thường được gọi lên bục ca hát cho cả lớp nghe giải trí. Vô tình tôi mang thêm một nghề tay trái. Đúng ra phải gọi là tay mặt vì tôi thuận tay trái. Lúc lên năm tuổi ngồi vào bàn ăn cơm, tôi cầm đũa bằng tay trái liền bị Ba tôi đánh vào tay văng đũa. Từ đó tôi phải tự tập tay mặt. Nhờ vậy, khi vào Quân Đội tôi có thể cầm súng lục bắn cả hai tay lấy bằng thiện xạ súng Colt 45. Ba tôi thường vắng nhà nên ông Nội tôi đặt tên cho mấy anh em tôi. Khi lớn lên tôi có “Phỏng vấn” ông Nội tôi và được biết ông đặt tên theo bộ chữ Nhân của Hán tự. Tên tôi phía trên có chữ Nhân và bên dưới là chữ Vương. Vào những lễ Phật, mẹ tôi tình nguyện vào chùa Linh Quang và cả chùa Linh Sơn nấu cơm chay, dắt theo bốn “thằng giặc “ con thả chạy quanh trong vườn và sân chùa, bẻ trộm trái cây, bất kể sống chín. Nhưng khi nhập lễ bà gom hết cả bốn đứa cho quì hàng ngang sau lưng, trước tượng Phật Thích Ca

hiền từ. Từ đó, tôi luôn tự khai là đạo Phật, dù lúc nhỏ có theo học lớp võ lòng bên các Sơ và vẫn còn thuộc bài Kính mừng Đức Mẹ Maria. Ở nhà cô Uyển của tôi dạy kèm thêm khi túm được mấy đứa tôi. Tôi còn có hai ông chú của bà Nội thứ ba là chú Ngọc Đại và và Ngọc Phu. Chú Đại để dành tiền mua nhiều xấp giấy in hình hoạt họa từ Pháp gửi sang, với Rin Tin Tin và Lucky Luke. Tôi mượn về xem say mê và mày mò cầm bút chì tập vẽ theo. Sau này chú được Bác Ba Tế dắt theo đạo Cơ Đốc và được gửi sang du học bên Singapore. Từ đó ông về làm việc cho Mỹ và di dân qua Mỹ từ năm 1965. Riêng chú Ngọc Phu tuy đa tài nhưng phận số lận đận vì mất mẹ sớm, phải sống dưới con mắt cú vọ của bà Nội thứ Sáu người Bắc của tôi. Năm 16 tuổi ông bỏ nhà về tự mưu sinh ở Sài Gòn và theo làm đệ tử của quái kiệt Trần Văn Trạch. Từ đó ông phát triển về nghề ca hát, kể chuyện pha trò và dẫn dắt chương trình Đại Nhạc Hội. Ông còn đóng nhiều phim Việt với các hãng Phim Alpha. Nên khi vượt biên sang Mỹ ông được gọi đóng các vai phụ trong các câu chuyện về cuộc chiến Việt nam của Hoa Kỳ. Ông Nội tôi do cảnh vợ chết sớm nên ông đã giao hai người con, khi còn nhỏ, cho hai cặp vợ chồng không con người Pháp nhận nuôi, là chú ruột của tôi Trần Ngọc Lang nay là Émile Vivifian và cô Ngọc Diệp, kể chú Ngọc Phu, hiện còn sống tại Paris. Nhân tiện tôi nhắc luôn bà Nội thứ năm của tôi, vốn là cô Tôn Nữ xứ Huế, kết hôn với ông tôi và sinh ra được một cô mang tên Trần Thị Ngọc Lan, bằng tuổi với tôi. Sau khi sinh con xong bà bỗng con bỏ đi về Sài Gòn do “Không chịu nổi cảnh ông ức hiếp và dùng roi quất ngựa đánh bà khi tức giận”. Tôi có dịp gặp lại Bà nhiều lần sau này, cho đến khi được tin bà qua đời trong một ngôi chùa ở Gia Định vào năm 1990. Cô Lan đã mất trước năm 1975 do tai nạn xe Vespa. Tôi có dịp nhìn thấy hình bác Hai tôi, là ông Trần Ngọc Tần, trong bộ áo da Phi công màu nâu, với cánh bay trên ngực và khăn choàng foulard. Được biết ông là phi công máy bay quan sát của

Quân đội Pháp. Ông mất vào tuổi ngoài 30 vì bệnh. Bác ba tôi tên Phụng theo làm việc cho một Bác sĩ Quân Y Pháp ra ngoài Hà Nội, cưới vợ người Hà Nội, bị Nhật cầm tù năm 1945. Khi được thả ông mang cả gia đình sang định cư ở Nice từ năm 1948. Dù thế, tấm lòng của ông luôn tha thiết với quê hương và gia quyến. Có lẽ, ông là người duy nhất không mang dòng máu lạnh của bên Nội tôi.

- Ông Nội tôi vốn con nhà quan triều đình Huế nên thông chữ Nho. Khi ông lên 18 tuổi được cử sang Pháp du học lái xe và sửa chữa máy xe hơi, vào thập niên 1800, khi tại Việt Nam nhà Vua được Thuộc địa Pháp tặng một chiếc xe Citroen nhưng không ai biết lái và tu bổ. Nên ông tôi cũng thông qua tiếng Pháp rồi về nước truyền dạy lại cho khá nhiều người khi ông học thêm chữ Quốc ngữ. Khi vào lập nghiệp ở Đà Lạt, ông Hai Cam mở một tiệm bán sữa xe đạp và đồng hồ, với phụ tùng, ngay đầu dốc Minh Mạng, đối diện tiệm Anh Võ, cạnh đầu ngõ con đường cắt ngang nối đường Tăng Bạt Hổ, có tiệm vàng Bùi Duy Chước. Tiệm này ông giao cho chú Mỹ tôi trông coi, về sau bán lại cho ông chủ tiệm thuốc Bắc. Nhưng do Chú có xe hàng vận tải chạy đường Đà Lạt và Sài Gòn nên mọi chuyện nằm trong tay bà Thím người Bắc, khó tính và kiêu ngạo là con của một ông Mục sư biết đàn Piano. Ngoài ra ông còn mở một nhà thè bài gạo giao cho Bà thứ sáu, trên đường xuyên Ấp Số 4, trên lưng núi tên Ngô Quyền. Tôi nhớ bà Nội này và bà Thím, hay kêu mất tiền đựng trong két sắt nên tôi luôn tránh không bước vào tiệm. Ông còn dạy cho người ta sửa xe hơi và xe ngựa, với cả một nhà kho phụ tùng linh kỉnh. Chú Ngọc Phu của tôi cũng vất vả làm thợ phụ ngoài giờ đi học. Đến ngày ông từ trần tôi có đến sáu Bà Nội. Bà Nội ruột của tôi theo lời ông kể là con gái của một ông chủ tiệm vàng người Hải Nam nhập tịch Việt Nam, ở Huế, với mấy chị em mang tên Việt khá thời thượng lúc bấy giờ, là Tô thị Khánh Lệ, Khánh

Ngọc và Khánh Vàng là mẹ của cô ca sĩ Lê Uyên tức Phi Anh. Ông Nội tôi bảo ông chủ tiệm vàng gốc Tàu không chịu gả con cho một người góa vợ với 3 con trai nhưng ông cũng “bắt” được bà rồi sinh cho ông 3 người con trai và một nữ. Tôi mạnh miệng hỏi sao ông Nội nhiều bà vậy. Ông đáp Tau đâu có bỏ bà nào. Mấy bà bỏ tau đi nên phải kiếm bà khác nuôi con. Ngẫm lại tôi thấy ông nói có phần đúng. Ông là người khá cao lớn, cao ngoài 1 thước 70, và tự nhận là dòng dõi của Đức Thánh Trần Hưng Đạo. Khi ông về ở Sài Gòn, vào cuối năm 1960, ông luôn được Phó Đề Đốc Trần Văn Chơn mời làm chủ lễ Hưng Đạo Vương ở Tân Định. Bà Nội ruột của tôi qua đời, khi Ba tôi mới lên 14 tuổi, ở Huế và được an táng ở Đan Nam Giao. Tuy có mang máu Tàu nhưng lòng tôi luôn căm ghét Tàu sau năm học lớp Nhất với thầy Nguyễn Tri Bật dạy về Sử, với cảnh “Ngàn Năm Đô hộ Giặc Tàu” và âm mưu đồng hóa thâm độc đối với dân tộc Việt. Vào năm học lớp Nhất ở trường Tiểu học Đà Lạt, nay là Đoàn Thị Điểm, buổi trưa bọn con trai nhà xa rủ nhau xuống hồ Đội Có tập bơi. Để gặp bọn trẻ gốc Tàu là xông vào kiếm chuyện đánh cho chạy luôn. Hồ nước nhỏ tên Đội Có, nằm bên hồ Xuân Hương, nguyên là hồ chứa nước uống bơm qua Nhà máy Lọc Nước, dẫn lên ngọn tháp bồn chứa cao nghêu, nằm chế ngự trên đỉnh ngọn núi của dinh Tỉnh Trưởng Đà Lạt xưa. Năm 1955, người ta xây thêm một cầu đặt ống bơm nước giữa hồ Xuân Hương, hơi xéo với Nhà Thủy Tạ. Có một năm Đà Lạt bị lũ lụt. Tôi nhớ người lớn bảo là năm Thìn, tháng 10 ta. Đây là năm 1952. Khi tôi còn theo học tạm trong trường Tiểu học Đà Lạt, dưới chân núi Hòa Bình, khi trường Trung học công lập Quang Trung chưa xây cất xong. Sau cả tuần lễ, mưa lớn liên tục, từ sáng đến tối, ngày hôm ấy trời tạnh hẳn, với nắng rực rỡ và bầu trời xanh biếc. Sau khi cuộc bộ gần 3 cây số đến trường tôi nghe học sinh xôn xao chạy lên bậc thang dốc đất, dẫn lên ngọn

núi ngay sau lưng trường. Có tiếng la “Xóm Lò Gạch bị lụt!”. Từ trên cao nhìn xuống phía Tây Nam, tôi thấy nước phù sa đục ngầu, phủ chụp suốt từ đầu đường Phan Đình Phùng và Hai Bà Trưng, qua đường Phạm Phú Thứ, từ hướng chân núi Ty Quan Thuế nổi qua ngã ba Duy Tân và Phan Đình Phùng với con đường bắt qua cầu Abattoire, Nhà Máy Đền và Petit Lycée. Gần trọn xóm Lò Gạch, sau này có tên Hoàng Diệu, chìm trong nước đục màu đất bùn. Mấy căn nhà sát ngoài khu vườn trồng rau cải chỉ còn lộ mái tôn. Nước lụt tràn ngập đến chân con đường dốc dẫn lên khu Du Sinh và trường Couvent des Oiseaux, qua khu Nhà Sàn (Nhà Rong) người Thượng, xuống thác Cam Ly. Trọn hai ngày sau, nước mới rút cạn để lại một khung cảnh đổ vỡ tan nát.

Trở lại Ấp Số 4, vào ngày 10 tháng 7 năm 1949, khi tôi đang học lớp Ba, bỗng nhiên người chạy xe ngựa ghé vào trường xin cho ba anh em tôi về nhà gấp. Anh em tôi gồm 4 đứa trai. Lúc ấy, anh tôi 11 tuổi. Tôi lên 9 và đứa em trai út lên 5 còn ở nhà với mẹ. Mẹ tôi hết sức vui mừng khi vừa mới sinh ra đứa con gái tên Ngọc Oanh chỉ vài ngày. Đi học về anh em tôi chỉ đứng xa xa, nhìn đứa em gái sơ sinh thường nhắm mắt ngủ vui. Buổi sáng định mệnh ấy, xe ngựa chở ba anh em tôi chạy về nhà và nghe nói mẹ tôi đột ngột ngã bệnh nặng. Về đến nhà tôi chạy ùa vào phòng thấy Mẹ tôi dầy dụa, thở hắt từng cơn. Khi ấy, ông Nội tôi đứng bên cạnh Bác Sĩ Phán, mới được xe đưa đến. Mẹ tôi cố gượng dậy đưa cánh tay ra nắm lấy mấy bàn tay nhỏ xíu của anh em tôi, rồi duỗi người nằm thẳng, hắt hơi như bị ngộp thở. Bác sĩ Phán xua anh em tôi ra ngoài, trong khi bà Nội thứ sáu bỗng đứa em gái còn đỏ hỏn về bên nhà ông Nội tôi. Không bao lâu, cô Uyển chạy ra khóc nức nở kêu:” Mạ tui mi chết rồi!”. Anh em tôi đều òa lên khóc và chạy ùa vào nắm lấy tay mẹ tôi. Bác sĩ Phán quay lưng đi ra. Sau này, khi lớn lên tôi mới biết khả năng cấp cứu thấp kém của Bác sĩ Phán khi mẹ tôi bị chết ngộp vì sản hậu, do nghe chuyện ba tôi

có người tình ở Sài Gòn. Tôi nghe đau đớn như bị đứt ra từng khúc ruột Lòng tan nát khi mới lên 9 tuổi. Nỗi đau thương này theo tôi suốt cả quãng đời. Khi nhớ lại tôi vẫn thấy lòng rưng rưng, nhỏ lệ. Tôi thương nhớ mẹ tôi vô cùng. Bà ra đi đột ngột đã mang theo cả một khối tình trĩu nặng trong tâm tư của tôi. Mẹ tôi là cô gái quê trong xóm Dừa Nha Trang, với gương mặt trái soan xinh đẹp và mái tóc đen xoăn trước vầng trán, mới 31 tuổi, thật hiền lành và chân chất. Mắt mắt ấy của tôi quá lớn lao nên tôi càng trở nên câm nín và lì lợm. Khúc quanh của cuộc đời tôi và anh em tôi bắt đầu từ đây.

Ông Nội tôi đứng ra mua hòm và đặt chỗ an táng trên gần chỏm ngọn núi Mã Thánh, nhìn về hướng nhà tôi ở. Chiều ngày hôm sau, ba tôi mới trở về từ Sài Gòn. Anh em tôi mặc áo tang trắng thô với đầu cột khăn tang, lặng lẽ theo đám tang, với một số người thân. Chiếc xe vận tải của Ba tôi chở quan tài mẹ tôi chạy sau lưng bốn anh em tôi, từ đầu dốc Hai Bà Trưng, qua chùa Linh Quang, vòng qua đầu đường Phan Đình Phùng, nương theo con dốc đường đất vòng qua hướng Ấp Dầu Tây, hồ Vạn Kiếp, phía dưới trại Thiếu Sinh Quân về sau thành trường Trung học Trần Hưng Đạo, với khu mộ Tử Sĩ. Mẹ tôi được nằm bên cạnh mộ của đứa em sinh đôi của tôi mất khi vừa lọt lòng mẹ. Tôi đứng trên đồi Mã Thánh nhìn về chùa Linh Quang và đã cầu nguyện xin mẹ hãy theo tôi cho đến cuối cuộc đời. Từ đây về sau, tôi cứ một mình lặng lẽ lội bộ băng đồi núi lên thăm mộ của mẹ từ năm 10 tuổi. Sau này, khi tha phương bên Mỹ, tôi phải nhờ đứa em khác mẹ chuyển mộ của Mẹ và em tôi từ đồi Mã Thánh về tận một chân đồi phía Nam của Trại Mát khi Việt Cộng loan tin dẹp bỏ khu Mã Thánh. An táng mẹ tôi xong ba tôi lên xe tiếp tục đi Sài Gòn, bỏ anh em tôi lại cho bà cô. Rồi ông cũng đặt mộ bia bằng tảng đá xanh. Hàng đêm, tôi lặng lẽ ra ngồi một mình trước sân nhà nhìn sang phần mộ mẹ tôi, với lòng tiếc thương vô hạn. Chỉ được vài tuần cho đến một buổi

chiều ba tôi bảo tất cả gom hết quần áo mền chiếu ra xe tải dọn đi nơi khác. Đưa em gái sơ sinh của tôi được giao cho bà Nội nuôi. Chúng tôi bị hấp tấp lên xe không kịp chào cả ông Nội nữa. Không biết đi về đâu. Ba tôi dừng xe trên con đường cắt ngang thừ nhì giữa Minh Mạng và Tăng Bạt Hổ, nhìn qua tiệm vàng Ngọc Thạch, tiệm hớt tóc thường cạo trọc đầu tôi lúc nhỏ. Ông dặn ở nguyên trong thùng hàng chiếc xe và đến nhà bà Chín Đàm. Bà Chín Đàm, góa chồng có ba con có cửa hàng tạp hóa ngay giữa dốc Minh Mạng. Có một chị được bà cho du học bên Pháp. Hai người con sau đều đi học trường Pháp. Một cô sau này đã kết hôn với một người cùng khóa Võ Bị với tôi. Ba tôi đi suốt đêm. Anh em tôi cứ ngoan ngoãn nằm chờ cho đến sáng. Tờ mờ sáng hôm sau, chắc ông thất bại trong việc thương thuyết gởi 4 đứa con trai nhỏ cho bà Đàm, đã lạng lẻ ra xe nổ máy. Bọn tôi được chở đến nhà ông cậu Ba của tôi, ở dãy nhà phía sau ngôi biệt thự làm ty Quan Thuế Đà Lạt. Đó là một dãy nhà nhỏ dài, theo mẫu nhà dành cho người giúp việc đằng sau các biệt thự, nằm trên mỏm núi với rừng Thông già cao vút, phía Tây của thành phố. Phía Nam, dưới chân núi trải dài xóm Lò Gạch bắt qua thung lũng hẹp với đường Yagourt, chạy lên dốc tiếp chân Nhà Thờ Đức Bà và cơ sở Công An với những ngôi biệt thự lấp ló quanh con đường vòng núi phía Tây. Cậu Ba tôi sau khi giải ngũ từ Hải Quân được tuyển làm việc cho Ty Quan Thuế Đà Lạt. Gia đình của ông với ba đứa con được ở ba căn nhà trệt có bếp và phòng tắm giặt. Cậu Ba tôi vui vẻ nhận bốn đứa cháu mồ côi. Trên khu rừng Thông này còn có đầy rẫy cây trái Sim tím mọc chen lẫn, với lá Thông khô màu nâu dày đặt như trái vả. Tôi thường lân la ra hái trái sim dần bụng và ngóng nhìn xuống khu vườn rau cải xanh tươi, dọc theo hai bên con suối, từ hồ Lớn chảy về thác Cam Ly, mà nhớ thương người mẹ chết sớm, cùng mơ ước cất cánh bay qua chân trời rừng núi trùng điệp màu tím than, làm cuộc phiêu lưu tuổi mộng. Ngày nghỉ học tôi thường đi bộ

về hướng Mã Thánh thăm mộ mẹ tôi, một mình. Có khi theo lũ bạn nhỏ dưới xóm Lò Gạch, đi bộ về chân thác Cam Ly, ở phía bên kia con suối dưới chân lăng mộ ông Nguyễn Hữu Hào, thân phụ của Hoàng hậu Nam Phương, hái trái Mát mát, hoặc lân la mò lên Phi trường Cam Ly bắt Dế đá. Ba tôi chở cả 4 đứa ra tiệm may Tân Tân, trên đường Minh Mạng, đặt cho mỗi đứa 2 bộ quần áo vải kaki mặc cho bền và lâu dơ. Sau niên khóa, anh em chúng tôi được ông Nội dắt vào gặp ông Hiệu Trưởng trường Tiểu học Đà Lạt, Lê Thêm. Cô giáo lớp Nhì của tôi là cô Giỏi rất Tây, cắt tóc ngắn và chỉ mặc áo đầm đi dạy. Chuyển trường, tôi phải đi bộ từ ty Quan Thuế về Bệnh viện Đà Lạt, băng qua Nhà Xác, trên con đường mòn xuống Hai Bà Trưng, qua chiếc cầu đúc xi măng nhỏ đến khúc quanh Phan Đình Phùng, lần theo bậc dốc đá Nhà Làng lên Minh Mạng hoặc Duy Tân đến trường. Cậu tôi phát tiền rủng rỉnh nên bao giờ cũng ghé vào mấy gánh xôi bày bán ngay trên sân nên trước cửa chợ cũ Đà Lạt, nay là là rạp Hoà Bình, đối diện tiệm bánh mì Vĩnh Chấn. Sau lưng Vĩnh Chấn là con đường vòng lên chỏm núi Hoà Bình, từ trước cửa trường Tiểu học Đa Lạt, tiếp đến Thư viện nhỏ của thành phố bên phải, sân tráng xi măng đánh Tennis và bóng rổ, nối với khu trang trại Farraut, với một đàn Dê do vài người Thượng mặc quần tây trông coi, xuôi theo bờ dốc xuống đến cầu Bá Hộ Chúc. Cách khoảng đều lên triền núi là những ngôi biệt thự kiểu Âu châu lên bờ đất phẳng trên đỉnh dưới dạng hình thoi, với bề dài gần 200 mét và ngang độ 50. Tuổi thơ của tôi lang thang trên khu vực này nhiều năm khi đi học và gia nhập Thiếu đoàn Quang Trung, Đạo Lâm Viên, do anh Nguyễn Văn Võ dẫn dắt, từ năm 1950. Tôi cũng tuyên thệ Hướng Đạo trên ngọn đồi Hoà Bình này năm 1952, với Thiếu đoàn Quang Trung. Ở nhà của cậu tôi được vài tuần, một hôm Ba tôi ngồi trên một chiếc xe Jeep cũ của Quân đội phát mãi, do một bà lái đến thăm. Bà cho cả bốn anh em tôi lên phía sau xe và chạy một vòng qua thành phố về hồ Than

Thở, dọc theo đường vòng Lâm viên, qua núi Lap Bé Bắc và Lap Bé Nam, vòng về Ấp Số 6. Bà cho nhiều quà và tiền mặt. Nghe nói bà buôn rau cải từ Đà Lạt về Ban Mê Thuột, qua ngã đường do Công Binh Pháp khai mở từ Di Linh. Rồi bà cũng biến mất. Kể đến, một bà người Nam rất nghe nói là chủ Lò Than dưới chân Núi Voi, cây số 17 dưới dốc Prenn, mang chiếc xe tải nhẹ Peugeot đến nhà cậu tôi rước mấy đứa tôi về căn nhà của bà, ở đầu dốc Prenn, gần Bến xe Thiên Trang bây giờ. Chẳng thấy ba tôi xuất hiện. Nhưng bà đã liền đi may cho mỗi đứa hai bộ quần áo ngủ tươm tất. Dãy nhà trệt của bà rộng thoáng và đủ tiện nghi. Từ đây, tôi phải đi bộ gần ba cây số đến trường, lên con dốc cuối đèo Prenn, gặp bùng binh đường Yersin, đi Trại Hàm gần ngõ vào Dinh 3 Bảo Đại, xuống Phạm Phú Thứ, tiệm Au Sans Souci, với hai hàng cây hạt Dẻ, qua sân bóng đá bên hồ, tới bùng binh trước nhà Thủy Tạ, nhìn lên Khách sạn Palace, vòng qua cầu Ông Đạo, lên dốc với hai hàng cây Mai tím tới chợ. Tôi nhập chung với đám bạn học từ Trại Hàm và Ấp Xuân An, Suối Cát. Chỉ vài tuần sau, một buổi chiều, Ba tôi ghé xe bốc tất cả bốn đứa tôi lên và đưa trở về nhà Cậu tôi. Tôi không biết gì chuyện người lớn và sẵn sàng chấp nhận. Không hề than trách ai hay buồn phiền. Tôi chỉ ôm trong lòng nỗi nhớ thương thiết tha mẹ tôi không nguôi. Qua năm lên lớp Nhất, một hôm ba tôi bảo dọn hết đồ lên xe từ giả cậu tôi. Ba tôi chở về một căn biệt thự kiểu Ý, trên đầu dốc Prenn. Nghe nói đây là ngôi nhà của một Nhạc sĩ người Pháp gốc Ý nhờ bác Tư tôi, bên Pháp, cho người ở trông nom. Tự tôi phát giác ra ba tôi đem chúng tôi về ở chung với người Dì ghẻ người Huế, có một đứa con trai nhỏ hơn tôi 6 tháng. Bà Dì có khuôn mặt với hai gò má nhô cao trông lạnh lùng với đôi mắt bén như gươm. Chồng bà là Trưởng Trạm Ga Xe Lửa Trại Mát đã bỏ trốn vào bưng theo Việt Minh. Nhưng rồi sau đó ông về hồi chánh với một người vợ trong bưng. Bà đã xoay sở theo xe tải buôn rau cải từ Đà Lạt về Sài Gòn nên gặp ba tôi. Ngay

sau đó bà kéo thêm gia đình của người em gái về ở chung. Ba tôi vẫn tiếp tục đi xa. Nhà bên tôi bây giờ có cả năm đứa con trai. Tôi vẫn đi bộ đến trường Tiểu học Đà Lạt, từ đầu dốc Prenn. Trong khi đứa con trai riêng của bà Dì đi học trường tư Trí Đức gần Nhà Thờ Con Gà. Cậu còn được sắm nhiều quần áo mới, đóng giày da, thậm chí về sau còn có xe đạp. Tôi cũng không màng và chịu yên phận mình. Ngày đi học, tôi không muốn về nhà nên cứ lân la vào sân đá banh chạy chân không. Rồi ghé vào võ đường Nhu Đạo của thầy Yvert dựa cửa xem mãi. Nhiều lần nên một hôm ông Yvert cho anh Đào Duy Thiện ra hỏi: "Mày muốn tập Judo không?" Tôi bảo rất muốn nhưng không có tiền và quần áo Kimono. Một lúc sau, anh Thiện ra bảo tôi vào và cho biết được miễn phí và anh xin mấy người con nhà khá giả cho tôi hai bộ võ phục cũ. Nhờ đó tôi siêng năng vào tập cho đến lúc lên Đại Xanh Lục thì bỏ cuộc vì ông Yvert về nước. Tôi không hiểu làm sao, vào tuổi 11 ấy, có thể chạy đá banh, tập Nhu Đạo khi bụng chẳng có gì mà không thấy đói mệt. Về đến nhà cứ lảng lảng vào bếp luộc cơm nguội ăn với cá kho và bắp cải luộc, hoặc nước mắm. Ngày nghỉ học tôi tránh mặt gặp bà Dì bằng cách lang thang trong khu rừng phía sau nhà với cây gậy làm vũ khí. Khu rừng già này dày đặc, xuôi xuống khe suối nhỏ chảy về Suối Cát, Suối Tía, xuyên qua khu đất của Nhà Dòng Adran rau này là La San, với những cây Thông già đặc nhựa dầu dưới chân, thường được gọi là cây Ngo, thân cao vút lẫn trong rừng cây dày kín. Phía trên cao ngọn núi là dinh Toà Đại Biểu Chính Phủ sau là cơ sở hành chánh thành phố. Có khi bà Dì phát cho tôi cây rựa bảo vào rừng chặt chẻ lấy củi Ngo về chằm bếp lửa. Thường người Thượng hay mang củi Ngo bó từng bó về đổi chác ở chợ. Khi gia nhập vào Hướng Đạo tôi biết thêm cách thắt nút giầy và đi rừng. Những ngôi biệt thự bên phải đầu dốc Prenn thường có trồng cây ăn trái như Mận, Đào, trái Hồng... nên tôi cứ lên theo khe núi dày cây lá, vào hái trộm trái cây bỏ bụng. Có nhà trồng

cả một vườn hoa Phong Lan rộng lớn. Tôi biết có nhà của Trung Tá Nguyễn Văn Thiệu, Chỉ huy Trưởng trường Võ Bị Liên Quân và Thiếu Tá Nguyễn Bá chỉ huy Ngự Lâm Quân Bảo Đại. Biệt thự của nhà văn Nhất Linh nằm phía bên kia núi của Farraut, nhìn về Nam. Lúc ấy, tôi học lớp Nhất với thầy Nguyễn Tri Bật là người đã hun đúc tình yêu nước cho tôi. Ông cũng dạy cho cách Nhập Thiền dù tôi còn nhỏ tuổi. Ông dạy Toán rất hay. Về sau, tôi được biết ông lên làm Hiệu Trưởng một trường Tiểu học mới xây cất ở gần đầu dốc Prenn và sân vận động. Đầu óc tôi bắt đầu phát triển nên học hành cũng khá lên. Mùa Giáng sinh năm ấy được cho đi lên dinh nhận quà từ tay vua Bảo Đại và Thứ Phi Mộng Điệp. Thi đậu bằng Tiểu học tôi mới tự tay nộp đơn thi vào Trung học Việt duy nhất mang tên Công chúa Phương Mai. Khi trường mới chưa xây cất xong, nên phải còn tiếp tục học lớp Đệ Thất nhờ ở trường Tiểu Học Đà Lạt. Buổi trưa thấy không đủ sức lội bộ đi về nhà ăn cơm nên tôi cứ lang thang quanh khu đồi Hoà Bình. Chú Phu tôi thấy vậy bảo hãy ghé vào tiệm xe đạp của chú Mỹ ăn trưa. Chỉ được một bữa tôi thà chịu đói chứ không đến nữa vì thím Mỹ hô hoán bị mất tiền trong tủ sắt. Thời gian này, tôi gặp anh Nguyễn Văn Võ trong sân Bóng rổ. Anh rủ tôi vào Hướng Đạo. Nhờ đó, tôi may mắn được giáo dục và rèn luyện trong phong trào Hướng Đạo cho đến tuổi trưởng thành. Anh Võ xoay sở xin cho tôi quần áo đồng phục cũ, cũng như khăn quàng và huy hiệu. Nhà tôi không phải nghèo, nhưng tôi bị mồ côi mẹ và ở với Dì ghẻ, khi ba tôi luôn vắng nhà. Hướng Đạo Việt Nam đã gây dựng tôi nên người. Khi lên lớp tôi được chuyển về khu trường mới xây cất trên ngọn núi san bằng gọi là đồi Cù. Trường được đổi tên là Quang Trung khi vua Bảo Đại bị truất phế và lưu vong bên Pháp. Phía Bắc trường nhìn về hướng Núi Bà. Nam tiếp giáp hồ Xuân Hương. Phía Đông Bắc là khu trường Thiếu sinh quân sau thành viện Đại học Đà Lạt. Trường Võ Bị nằm phía Đông, về sau có Nguyên Tử Lực Cuộc. Con

đường Võ Tánh một bên tháp viễn thông, trái phía Tây với vài ngôi nhà đổ xuống hướng hồ Đội Cò, với bờ núi xanh một rừng cây Thông thẳng đứng. Xung quanh chỉ có đồi núi cỏ trọc với những lùm thông xanh lá. Tôi lân la lên dốc Hoà Bình rồi nhập chung bạn bè theo đường Hàm Nghi, ngang rạp chiếu bóng An Nam, qua Nhà thờ Tin Lành, lên dốc nhập vào Võ Tánh đến trường. Có khi buồn buồn đi vòng theo con đường vòng hồ, qua dãy đồi Cù, vào Võ Tánh, nhưng chẳng vui vì thiếu bạn đường. Thầy Nguyễn Trọng vẫn làm Hiệu Trưởng với cô Đãi (Nguyễn Khoa Diệu Liễu), cô Hoa, thầy Tuấn dạy Anh văn, thầy Cũ Trứ Lý Hóa, Thầy Lê Phi. Nhạc sĩ Thẩm Oánh dạy nhạc và lực sĩ Mươi Nho huấn luyện thể dục trên sân đất đỏ, nằm giữa hai dãy nhà trường một tầng với căn nhà chơi và vệ sinh có mái che. Ông Cai trường được trú ngụ trong căn nhà ngói trệt nằm một bên cổng vào, nhìn về phía khu Huấn luyện Sen-Đầm (Gendarme) về sau là Trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị. Cuối năm 1953 chợt nghe có tin một số người theo Việt Minh tập kết ra Bắc. Trong ấy có vài người học sinh của Trường. Rồi Hiệp định Paris đưa đến việc di cư tránh Cộng Sản từ Miền Bắc vào Nam ồ ạt lên cả triệu người. Vài chục ngàn người tỵ nạn đổ xô lên thành phố vắng lặng Đà Lạt, như tạo thêm sinh khí mới. Trường đã mở ngay thêm lớp Đệ Tam với phần đông lớp trẻ di cư sinh động. Nhiều người đẹp từ Miền Bắc nhập trường gây xao động. Ông Phạm Văn Nam, từ ngoài Bắc vào, chính thức làm Hiệu Trưởng với một số vị giáo chức còn nói rất giọng Bắc. Đặc biệt, ông Tôn Thất Hối tuy là Đại Biểu Chính Phủ Cao Nguyên Trung Phần nhưng cho con theo học trường, thay vì trường Pháp như mấy người có chức phận hoặc giàu có, với chị em bạn cùng lớp với tôi là Tôn Thất Khoát đi học có xe đưa đón. Ông anh ruột của họ là Bác Sĩ Tôn Thất Niệm nổi tiếng qua bài hát Chiều Vàng, qua Đài Phát Thanh Đà Lạt. Tôi có thêm một số bạn người Bắc khá sâu sắc và bản lĩnh. Một số những người sắc tộc, như Thái, Nùng... Miền Bắc, được

chuyển về khai phá khu vực Tùng Nghĩa, gần Phi Trường Liên Khàng, bên dòng nước ghềnh đổ xuống thác Gougah. Với chương trình Quận sự học đường, chúng tôi tập trung vào trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt tập làm lính, dười thời Trung Tá Thiệu. Lúc này, tôi đã được dọn về ngôi nhà mới cất, vách gỗ Thông với mái tôn ở bên đường trái đá Phạm Hồng Thái, trong xóm Hồng Lạc, gồm phần lớn những gia đình Quân đội từ Ngự Lâm Quân. Xóm này nằm trên khe núi giáp với Ga Xe Lửa và Nha Địa Dư. Một bên là khu cư xá Quân Đội và Ga-ra Martineche với Đại lộ Trần Hưng Đạo, xoắn theo con suối với khoảnh đất bằng trồng rau đến tận hồ Xuân Hương, trước cổng lên biệt thự Bác sĩ Sohier. Tuyến đường Chi Lăng(Cité Saint Benoit) qua Ấp Cô Giang Cô Bắc, Ga Xe Lửa, Nha Địa Dư vòng hồ Xuân Hương có xe đò chạy từng nửa giờ. Không có tiền tôi phải đi bộ xa hơn đến trường học. Vào sáng tinh sương, con đường thật vắng lặng bên mặt hồ nước êm lặng sáng như gương, lừng lơ sương mù quấn quít. Tôi vừa đi vừa chạy cho kịp gặp bạn bè trên cầu Ông Đạo. Có lẽ nhờ thế sau này lớn lên tôi cứng cáp và khỏe mạnh. Trong bụng đã có một chén cơm nguội với nước cá kho rồi. Cảnh đẹp của Đà Lạt vắng lặng nên thơ, nhìn về hướng Nhà Thờ Con Gà, vào buổi sáng trời lành lạnh, lẩn quẩn sương mù dưới chân, trên nền chân trời núi màu tím thắm, ngôi nhà Thủy Tạ ẩn hiện, đã ăn sâu vào tâm trí của tôi trên mọi nẻo đường tha phương. Tôi phải lẩn quẩn khu đồi núi quanh trường trung học Quang trung vào buổi trưa, thay vì lội bộ về nhà ăn trưa rồi trở lại cho buổi học chiều. Có khi có người bạn học ở Trại Hàm mang theo cơm trưa chia phần cho tôi. Nếu không cũng nằm dười gốc Thông cho qua bữa. Cuối tuần, tôi vẫn theo sinh hoạt Hướng Đạo. Nhưng tôi đã rủ kéo người em con riêng của Dì ghẻ tôi gia nhập nên khi cần sắm sửa gì lại nhờ có tiếng nói của chàng. Thậm chí vào những lần đi cắm trại xa, như hồ Than Thở (dịch từ tiếp Pháp Lac De Soupir), Suối Vàng, Suối Tía, đã có xe đạp của chàng. Bọn tôi

còn rủ nhau thả dõc Prenn xuống các thác Đa tan la, Prenn, Gougah, Pongour, đập qua Tùng Nghĩa, La Ba, Liên Khàng. Vào mùa hè, thả xe đập xuống Đơn dương, dõc đèo Ngõn Mực (Tức Belle- Vue) đến Krong Pha, Phan Rang và Cam Ranh. Tôi còn xoay sở tiếp tục học Nhu Đạo với ông Nguyễn Bình đến Đai Nâu rồi phải nghỉ vì không tiền đóng phí. Người bắt đầu xây cất thêm nhà dõc theo Phạm Hồng Thái lần theo con đường, từ ngã ba Địa Dư ra hồ, bên phần đất thấp và đắp những ô vườn trồng rau Xà Lách son (Cresson) nhờ ngập nước quanh năm. Từ sau năm 1954, nhiều đồng bào từ vùng đất nghèo Quãng Nam, Bình Định vào phá đất trồng rau cải, với ấp điển hình Đa Thiện, gần hồ Than Thở. Hể mỗi lần nghe tiếng còi xe lửa bên Nhà Ga rúc lên thúc giục, tôi lại mơ ước được làm những chuyến giang hồ đó đây. Năm 14 tuổi, nhờ sinh hoạt với Hướng Đạo, tôi được thầy Lê Phi, là Trưởng Hướng Đạo, cho theo làm nhân viên, trong ban tổ chức trại hè cho Trung học Quang Trung về Nha Trang. Từ Đà Lạt xe lửa chạy về hướng Trại Mát, đến Trạm Hành phải dừng lại chuẩn bị xuống đèo đến Đơn Dương và đèo Ngõn Mực. Nằm giữa hai đường rày, cách 1 mét 50, là những móc răng để kèm giữ xe lại với sức trợ lực của hai đầu máy. Một đầu nằm phía trước đoàn tàu và một nằm quay ngược phía như nứu kéo. Đoàn tàu xuống dõc rất chậm nên mấy đứa trẻ nghịch ngợm nhảy xuống và thả bộ theo gần đến Krong pha. Hoàn cảnh sống khắc nghiệt hơn khi ông em rể của bà Dì ghẻ tôi, chia chung nhà, mở nơi chứa cờ bạc, như xóc đĩa, bài cào... Dì tôi suốt ngày mê cờ bạc nên giao tôi nấu cơm, kho cá, luộc rau... khi ba tôi đi vắng. Ba tôi thường xuyên vắng nhà nhưng khi về ông cũng không để mắt đến anh em tôi. Từ đó tôi luôn mang ý nghĩ muốn thoát ly khỏi gia đình. Tôi càng chạnh lòng những dịp bạn học rủ ghé nhà chơi và dùng bữa. Tôi biết thêm món canh cá rau đay, cà pháo khi đến nhà bạn người Bắc. Món thịt heo kho Tàu ở nhà bạn người Nam. Tôi thật quý trọng lòng tốt của

những người ấy mãi sau khi trưởng thành. Tôi thường tìm lúc lêm thăm mộ mẹ tôi hoặc xin hộp sơn đỏ đồ lên mộ bia. Với vài người bạn gái cùng lớp thân tôi chỉ lẳng lặng theo chân họ về cùng đường, không biết nói gì vì vụng về và quen tính ít nói. Bao nhiêu lời lẽ đối đáp vui vẻ ý nhị đều thuộc về anh tôi. Đoạn đường đầu từ trường về nhà tôi đi với bộ ba Tuyết, Mỹ, Nương. Đoạn sau hai anh em đi với Dương Vân Thu. Sau này, Vân Thu về Sài Gòn học trường Trưng Vương và kết hôn với thầy dạy Toán có nhiều lớp dạy tư. Sau khi đậu bằng Trung học Đệ Nhất cấp, vài người bạn tôi gia nhập khóa 9 Sĩ quan Trừ Bị Thủ Đức, như Lê Văn Khánh Đốc Nhà Làng, Phan Công Tôn Ấp Xuân An Suối Cát, Phan Bá Tông ở cứ xá Công An. Phạm Thư cũng về Sài Gòn rồi trở thành thầy giáo ở trung học Hồ Ngọc Cẩn bên Gia Định. Bạn cùng lớp với tôi ,về sau, còn có hai Phi công Phản lực nổi tiếng là Nguyễn Văn Thí ở Ấp số 4 và Nguyễn Đạm Thuyên. Tôi cũng còn ránh học và lay hoay với nơi chôn nhau cắt rún Đà Lạt, dù lòng quá chua xót khi bắt đầu biết suy nghĩ. Ngày đưa em trai kế của tôi ngã bệnh nặng. Không ai ngó ngàng đến. Anh tôi phải đưa nó vào Nhà Thương Thí, ăn cơm từ thiện và nhờ các bàn tay chăm sóc của các Ma Sơ. Lúc nghỉ học, tôi lội bộ đi thăm em . Trên tay chẳng có gì cho em tôi. Chỉ biết đứng bên giường bệnh nhìn em thương xót. Chỉ chừng 2 tháng sau, em tôi khóc lóc xin đưa giùm về bên Ngoại ở Nha Trang. Nó nhất quyết đòi về nằm bên cạnh mộ của đứa sinh đôi, là Trần Ngọc Giao, đã mất ngay khi lọt lòng mẹ. Anh tôi phải xin tiền bà Dì mua vé xe đò đưa em về Nha Trang. Một tuần sau được tin em qua đời. Tôi đã khóc cạn nước mắt dù tính vẫn lì lợm. Lòng tôi mãi chua xót đến nay khi nghĩ đến số phận hẩm hiu của em.

Cho đến một hôm, khi lang thang trên đồi Hoà Bình tôi gặp Tôn Thất Khoát. Khoát bảo tôi nên nộp đơn xin vào trường Võ Bị. Nghe nói đã được cải tổ thành trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam với chương trình học văn

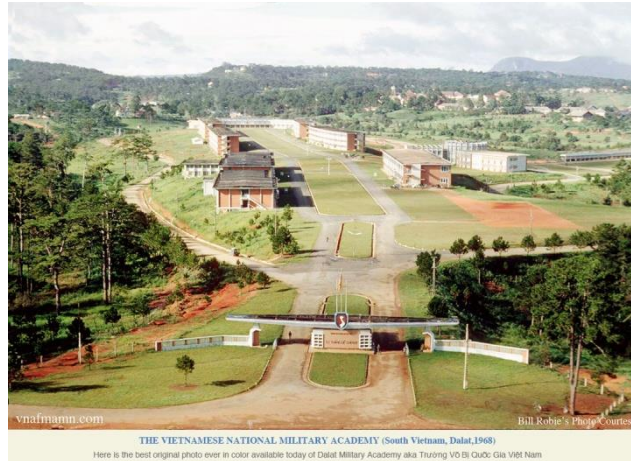
hóa 4 năm. Tôi mong được tiếp tục việc học nên thực hiện ngay lời khuyên của Khoát. Khi vào khám sức khỏe ở bệnh xá trường Võ Bị, Khoát đi cùng để giới thiệu với người anh là Bác Sĩ Tôn Thất Niệm. Lúc ấy tôi mới biết mình cao được 1m 69 và nặng chỉ có 32 kg nhưng rồi cũng cho qua. Trong khi ấy, anh Thiếu Trưởng Nguyễn Văn Võ của tôi rất lắng lắng lo cho Thiếu Đoàn chuẩn bị dự Trại Hạp Bạn Hướng Đạo toàn quốc , tại Trảng Bom, gần Định Quán, trên Quốc lộ từ Đà Lạt về Sài Gòn. Tôi đã được anh đề bạt làm Đội Trưởng Nhất sau khi lấy được bằng Hạng Nhất của Hướng Đạo. Nên khi nhận được giấy gọi nhập học trường Võ Bị vào ngày 29 tháng 11 năm 1959, không hỏi ai, tôi tự ý quyết định đi trại một tuần rồi mới vào trình diện. Trại Trảng Bom đã lưu lại trong tôi nhiều kỷ niệm thật đẹp và trong sáng cho một đời người. Trở về lại Đà Lạt, tôi chuẩn bị bộ quần áo mặc trên người để chịu trận vì nghe nói khóa đàn anh hành xác người mới nhập trường rất nặng tay. Với chiếc quần Jean cũ từ Mỹ, xin từ bạn bên khu nhà đạo Tin Lành Villa Alliance, với cả áo khoác te tua cũng là quần áo cũ từ thiện từ Mỹ gửi qua. Lần đầu tiên, tôi đứng trước Dì ghẻ tôi mở miệng xin ít tiền để đón xe Đò Chi Lăng vào trình diện nhập học trường Võ Bị. Bà Dì trố mắt nhìn tôi nhưng rồi cũng móc túi đưa chừng 10 đồng. 3 đồng đi xe tôi còn 7 đồng. Tôi lần mò , một thân một mình, vào đến Trạm gác bìa bên phía Ấp Chi Lăng đưa giấy gọi cho người lính gác. Tôi được chỉ vào phòng khách nhỏ ngồi chờ. Chẳng bao lâu, một Sinh Viên Sĩ Quan cao lớn, mặc quân phục Ka Ki với cầu vai đỏ và nón nhựa bóng láng, xuất hiện. Anh nhìn tôi nghiêm nghị và đọc tờ giấy gọi nhập học. Ngay sau đó anh nói ngắn gọn: "Anh theo tôi". Tôi được đưa xuống phòng cắt tóc và nhanh như chớp đầu tóc tôi gần như trọc lóc. Tôi phải trả 5 đồng. Liền ngay sau đó, tôi được giao cho một Sinh viên Cán bộ khác quần thảo tôi cho đến trưa mới ngừng, khi Khóa tôi trở về khu nhà ngủ, sau giờ huấn luyện. Tôi được đưa về Đại Đội 7 để vào Phạn

Điểm ăn trưa. Không khí căng thẳng dưới những cặp mắt dò xét không ngừng của Khóa đàn anh. Cứ thế, tôi bị lôi riêng ra khỏi hàng và bị quần thảo cho đến chiều. Tôi không nản vì đã mang tinh thần " Sắp Sẵn" của Hướng Đạo và đã quen chịu khó nhọc. Tôi không được đưa đi lãnh quân trang quân dụng ngay và phải mặc bộ thường phục dơ bẩn cả tuần lễ, chạy theo sau đuôi đoàn quân của Khóa. Sau, tôi biết người đón tôi ở cổng là anh Nguyễn Kim Thịnh, Cán bộ Tiểu Đoàn Trưởng. Về sau nữa tôi gặp lại người niên trưởng này khi tôi đưa Đại Đội TQLC lên bàn giao vị trí cho Tiểu Đoàn 1 TQLC tại Thủ Thiêm. Tôi còn gặp lại anh thêm nhiều lần nữa với một lòng ngưỡng mộ và kính phục. Lúc bấy giờ, trường Võ Bị nguyên chuyển đổi từ bệnh viện Catroux của Quân đội Pháp, nằm phía Tây Chi Lăng, trên ngọn núi xoay xoay và phía Đông của Đà Lạt, với hai ngọn núi Láp Bê Bắc và Láp Bê Nam,. Cổng chính mở ra con đường Cô Giang, gần trường Tiểu học Tây Hồ, về sau thành Phan Chu Trinh, với khu cư xá bên phải và Bệnh xá bên trái. Khóa 16 Võ Bị Quốc Gia vẫn còn ở khu trường cũ do nhà trường mới hiện đại và tiện nghi như Mỹ , do ông Tôn Thất Lễ thầu, đang xây cất trên ngọn núi cao 1515 san bằng, cách một con suối và nông trại Farraut của người Pháp, nối qua con đường phía Đông từ hồ Than Thở và đất trại Tùng Nguyên của Hướng Đạo. Những ngày tháng huấn luyện siết chặt và căng thẳng của Tám tuần sơ khởi in sâu vào trí não của mọi người đã trải qua. Từ đó chúng tôi đã trở thành thực sự người lính với kỷ luật sắt thép và thể chất thêm cường tráng, trong mồ hôi và nước mắt lặn khô hài. Bị hành xác ngày đêm, không có giờ nghỉ, nên tôi không khỏi ngạc nhiên và nể vì người bạn nằm cùng phòng ngủ. Ngay khi được vào phòng là anh lấy tờ giấy pelure màu xanh mỏng ra, rồi nằm xuống sàn nhà gạch lát, viết thư cho người yêu ở Nha Trang. Chàng Tôn Thất Lăng này về sau lên đến cấp Trung Tá bên Không Quân, thích nói đẽm tiếng Tây nên tôi đặt biệt danh là De Lăng,

do tính vẫn còn hay ngỗ nghịch của tôi. Do tật hay đặt tên bạn cùng khóa nên tôi phải đấu một trận đòn với Đoàn Đình Thuyền, trong buổi tắm chung khi Liên Đoàn Sinh Viên vào phạm điểm ăn trưa. Rồi cũng vui vẻ với nhau về sau, khi Thuyền phải ra bệnh xá băng tay vì đánh trúng tường nhiều hơn. Một số bạn học cùng Trung học Quang Trung, Đà Lạt, đã nhập khóa, với Triệu Văn Mẫn ở Ấp Xuân An, tử trận lúc còn Thiếu Úy tại Di Linh, Nguyễn Tuấn bên Chi Lăng trên tôi một lớp, Nguyễn Văn Thuận, Ấp Số 4, trên tôi hai lớp. Hồ Thế Diên và Đoàn Cư, gốc Lyceé Yersin, là đàn anh cùng dân Đà Lạt. Tôi quyết chí vượt qua những thử thách và gian khổ của hai tháng Tân Khóa sinh. Buổi lễ Gắn An Pha rất trọng thể diễn ra trong đêm, với bài văn Truy điệu mang khẩu khí uy dũng đã lưu lại trong tâm tư cho mãi về sau này. Do nhập học trễ nên nhà thầu Phước Hùng chưa đo ni tắc nên tôi chỉ có bộ quân phục Ka Ki vàng với cầu vai đỏ khi được xuất trại lần đầu. Nay tôi đã trở lại thành phố Đà Lạt với tác phong của một Sinh Viên Sĩ Quan từ trường Võ Bị. Một thanh niên 19 tuổi với tiền lương cấp Trung sĩ. Tôi đã nhất quyết ly khai gia đình. Lúc suy nghĩ lại tôi biết dù thế nào tôi không thể từ bỏ người sinh ra tôi và nhất là còn đứa em đi học. Tôi kiêu hãnh trở về nhà trước cặp mắt kinh ngạc của người Dì ghẻ và móc túi đưa tận tay bà một nửa số tiền lương truy lãnh. Từ đó, bà đã tự thay đổi cách xử với anh em tôi.

Ra phố Đà Lạt, tôi nghe bạn bè khen chê tiệm Phở này ngon chỗ khác dở. Nhưng với tôi, do thiếu thốn từ nhỏ, tiệm ăn nào cũng ngon cả. Mãi về sau mới phân biệt được phở Bằng ngon hơn phở Tín. Hủ tiếu Nam Vang, ở gốc đường Minh Mạnh và Tăng Bạt Hổ, ngon hơn tiệm Tàu...Gặp lại mấy bạn học cũ ngồi bên xe sạp Mì Quảng, trên đường Phan Đình Phùng, bên rạp Ngọc Hiệp, giơ tay ngoắc gọi, tôi không dám ghé vào vì khóa đàn anh đã căn dặn qui định như không ngồi lê la bên hè đường, không được nắm tay bạn gái khi dạo phố, không đến khu nhà Ga ra ở đầu dốc Prenn

cũ....Không ngồi xe gắn máy, vào tiệm ăn phải đưa tay chào và cất mũ.....
hầu giữ tác phong của một Sinh viên Sĩ quan của trường Võ Bị Đà Lạt.



(Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam nhìn về hướng Núi Voi.)

Tôi lớn lên trong trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, dưới chế độ Cộng Hoà, độc lập, với Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Từ đây, tôi đã trở thành một người lính chuyên nghiệp với lý tưởng chống Cộng Sản và bảo vệ Miền Nam độc lập, tự do, thịnh vượng. Đà Lạt cũng phát triển thành một trung tâm Đại Học và khu du lịch hấp dẫn với thời tiết gần như dịu mát quanh năm. Không gian luôn tĩnh lặng và êm đềm, ngay cả khi Việt Cộng bắt đầu xâm nhập, quấy rối. Trong trường Võ Bị, tôi phải miệt mài với 9 tháng học Văn hóa và 3 tháng Quân sự. Sau khi thi văn hóa cuối năm thứ ba, chúng tôi bắt đầu được hưởng quy chế năm thứ tư, với An-pha có 3 gạch ngang và xuất trại mặc thường phục áo vét. Nhưng Tổng thống Ngô Đình Diệm đã cho lệnh miễn khóa do nhu cầu chiến trường, cùng với Khóa 12 Thủ Đức, Khóa 3 Đồng Đế Nha Trang, với cùng tên Ấp Chiến Lược. Qua tài liệu thu thập sau năm 1975, Cộng Sản Miền Bắc đã gài người lại Miền

Nam và xâm nhập binh lính với vũ khí vào Nam từ năm 1958. Trong khi Miền Nam vẫn nhởn nhơ hưởng thú thanh bình. Dưới sự lãnh đạo tài tình của một vị Chỉ huy trưởng văn võ song toàn, nhìn xa nghĩ rộng, Đại Tá Trần Ngọc Huyền, chúng tôi tốt nghiệp ra trường, hăng hái xông ra trận tuyến, tưởng mình như những tráng sĩ xuống núi dẹp giặc. Năm lên 23 tuổi, tôi bắt đầu vào binh nghiệp với trách nhiệm của một Trung Đội Trưởng Thủy Quân Lục Chiến, xông pha vào chiến trận.

Tôi rời xa Đà Lạt từ ngày ấy.

